

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3 - VINACONEX 3

*Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
đã được kiểm toán*

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 04
Báo cáo Kiểm toán	05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 – 27
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09 – 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 – 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 - VINACONEX 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 - VINACONEX 3 là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1049/QĐ-BXD ngày 07 tháng 08 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Xây dựng số 3 - Doanh nghiệp Nhà nước thành viên Tổng công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam thành Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 - VINACONEX3.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103001380 đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 09 năm 2002 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103001380 đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 25 tháng 10 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, bưu điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu, cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây và trạm biến thế đến 110KV, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh, trang trí nội ngoại thất, gia công, lắp đặt khung nhôm kính các loại;
- Xây dựng và kinh doanh nhà, cho thuê văn phòng, kinh doanh bất động sản, khách sạn, du lịch;
- Lắp đặt các loại kết cấu bê tông, cấu kiện thép, các hệ thống kỹ thuật công trình, các loại máy móc, thiết bị (thang máy, điều hòa, thông gió, phòng cháy, chữa cháy, cấp thoát nước)
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng: gạch, ngói, đá, cát, sỏi, xi măng, tấm lợp, gỗ dùm trong xây dựng, sản xuất kinh doanh đồ gỗ hàng tiêu dùng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng, thực hiện các dự án đầu tư;
- Dịch vụ cho thuê, sửa chữa bảo dưỡng xe máy, kinh doanh thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ, hàng nông lâm thủy sản, hàng tiêu dùng.

Trụ sở chính của Công ty tại số 249 Hoàng Quốc Việt - Cầu Giấy - Hà Nội.

Công ty có các đơn vị thành viên sau:

Công ty Con

Công ty CP Đầu tư và khai thác BOT

Địa chỉ

Tầng 5 - Số 249 - Hoàng Quốc Việt - Cầu Giấy - Hà Nội

Đơn vị trực thuộc

Nhà Máy Vật Liệu Xây dựng Vinaconex 3

Huyện Phổ Yên — Tỉnh Thái Nguyên

Vốn điều lệ của Công ty là: 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng chẵn). Tương đương với 8.000.000 cổ phần.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Chê	Chủ tịch
Ông Đinh Tiến Nhượng	Ủy viên
Ông Thạch Văn Chấn	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Vĩnh	Ủy viên
Ông Phạm Chí Sơn	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Chê	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Tiến Nhượng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thế Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Vĩnh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát gồm:

Ông Dương Văn Trường	Trưởng ban
Ông Trương Quang Minh	Ủy viên
Bà Phan Tạ Thanh Huyền	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2008 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18 tháng 04 năm 2007 của Bộ tài chính thông tư hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2009

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Ché

Số:.....2009/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2008
của Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 - VINACONEX 3

Kính gửi: Hội đồng quản trị
Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 - VINACONEX 3

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 - VINACONEX 3 được lập ngày 05 tháng 02 năm 2009 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 được trình bày từ trang 06 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 - VINACONEX 3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2009

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán
Phó Tổng giám đốc

Kiểm toán viên

Nguyễn Quốc Dũng
Chứng chỉ KTV số: 0285/KTV

Hoàng Thúy Nga
Chứng chỉ KTV số: 0762/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2008	1/1/2008
100	A TÀI SẢN NGẮN HẠN		489.071.966.568	469.638.745.806
110	I Tiền và các khoản tương đương tiền		43.749.270.342	97.383.428.595
111	1 Tiền	03	43.749.270.342	17.383.428.595
112	2 Các khoản tương đương tiền		-	80.000.000.000
120	II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		1.200.000.000	-
121	1 Đầu tư ngắn hạn		1.200.000.000	-
130	III Các khoản phải thu ngắn hạn		268.995.235.849	169.263.819.000
131	1 Phải thu của khách hàng		226.287.895.555	131.391.416.799
132	2 Trả trước cho người bán		23.553.422.151	16.007.384.688
135	5 Các khoản phải thu khác	04	20.368.833.859	22.839.825.201
139	6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(1.214.915.716)	(974.807.688)
140	IV Hàng tồn kho	05	74.277.345.458	86.622.271.006
141	1 Hàng tồn kho		74.277.345.458	86.622.271.006
150	V Tài sản ngắn hạn khác		100.850.114.919	116.369.227.205
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn		297.636.514	339.748.766
158	4 Tài sản ngắn hạn khác	06	100.552.478.405	116.029.478.439
200	B TÀI SẢN DÀI HẠN		428.756.852.285	277.234.223.722

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008
 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2008	1/1/2008
220	II Tài sản cố định		351.554.110.722	197.627.943.160
221	1 Tài sản cố định hữu hình	07	31.765.224.903	30.960.989.683
222	- Nguyên giá		57.222.735.027	50.812.581.361
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(25.457.510.124)	(19.851.591.678)
227	3 Tài sản cố định vô hình	08	4.319.514.480	4.440.318.447
228	- Nguyên giá		4.690.894.383	4.690.894.383
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(371.379.903)	(250.575.936)
230	4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	09	315.469.371.339	162.226.635.030
240	III Bất động sản đầu tư	10	69.056.055.971	72.114.884.971
241	- Nguyên giá		79.038.502.514	79.038.502.514
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(9.982.446.543)	(6.923.617.543)
250	IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		6.251.169.000	6.034.176.000
258	3 Đầu tư dài hạn khác	11	6.251.169.000	6.034.176.000
260	V Tài sản dài hạn khác		1.895.516.592	1.457.219.591
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	12	1.864.085.592	1.425.788.591
268	3 Tài sản dài hạn khác		31.431.000	31.431.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		917.828.818.853	746.872.969.528

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2008	1/1/2008
300	A	NỢ PHẢI TRẢ	735.751.252.730	582.216.685.528
310	I	I. Nợ ngắn hạn	343.452.149.857	337.395.520.350
311	1	Vay và nợ ngắn hạn	62.217.978.169	19.073.294.300
312	2	Phải trả người bán	28.979.655.920	11.895.750.955
313	3	Người mua trả tiền trước	201.539.756.446	257.415.160.018
314	4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	27.120.694.493	20.539.871.956
315	5	Phải trả người lao động	4.033.824.448	1.935.547.900
316	6	Chi phí phải trả	11.457.075.183	5.478.352.460
319	9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.103.165.198	21.057.542.761
330	II	Nợ dài hạn	392.299.102.873	244.821.165.178
331	1	Phải trả dài hạn người bán	112.981.701.177	123.430.772.918
333	3	Phải trả dài hạn khác	65.514.922.346	253.050.910
334	4	Vay và nợ dài hạn	213.615.833.050	120.950.695.050
336	6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	186.646.300	186.646.300
400	B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	182.077.566.123	164.656.284.000
410	I	Vốn chủ sở hữu	179.265.576.000	163.648.532.179
411	1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80.000.000.000	80.000.000.000
412	2	Thặng dư vốn cổ phần	52.046.936.000	52.046.936.000
414	4	Cổ phiếu ngân quỹ (*)	(2.259.530.935)	-
417	7	Quỹ đầu tư phát triển	14.844.609.396	14.789.116.363
418	8	Quỹ dự phòng tài chính	3.739.804.457	1.673.585.041
419	9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	550.359.279	-
420	10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	30.343.397.803	15.138.894.775
430	II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	2.811.990.123	1.007.751.821
431	1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.811.990.123	1.007.751.821
440		TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	917.828.818.853	746.872.969.528

Lập, ngày 05 tháng 02 năm 2009

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Duyên

Vũ Nhất

Nguyễn Văn Chế

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2008

		<i>Đơn vị tính: VND</i>		
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	2008	2007
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	299.102.052.341	278.898.737.063
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		299.102.052.341	278.898.737.063
11	4. Giá vốn hàng bán	21	277.900.252.090	240.375.063.618
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		21.201.800.251	38.523.673.445
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	29.396.666.127	6.789.468.847
22	7. Chi phí tài chính		-	1.049.377
23	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>		-	<i>1.049.377</i>
24	8. Chi phí bán hàng		549.294.600	566.378.039
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		8.265.538.968	6.764.554.846
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		41.783.632.810	37.981.160.030
31	11. Thu nhập khác		447.034.554	219.703.504
32	12. Chi phí khác		88.861.114	48.391.000
40	13. Lợi nhuận khác		358.173.440	171.312.504
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		42.141.806.250	38.152.472.534
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	11.733.408.447	5.523.299.392
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
53	Lợi nhuận từ dự án 302 - Dịch vụ phải trả thành phố và các bên liên quan			11.916.978.975
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		30.408.397.803	20.712.194.167
61	18. Lợi ích của cổ đông thiểu số		-	-
62	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		30.408.397.803	20.712.194.167
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty mẹ		3.813,66	4.698,54

Người lập

Kế toán trưởng

Lập, ngày 05 tháng 02 năm 2009
Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Duyên

Vũ Nhật

Nguyễn Văn Ché

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2008

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
	I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1 Lợi nhuận trước thuế		42.141.806.250	38.152.472.534
	2 Điều chỉnh cho các khoản		38.116.547.009	7.473.121.892
02	Khấu hao tài sản cố định		8.785.551.413	7.860.121.892
03	Các khoản dự phòng		240.108.028	-
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.016.982.000)	(387.000.000)
06	Chi phí lãi vay		32.107.869.568	-
08	3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		80.258.353.259	45.625.594.426
09	(Tăng), giảm các khoản phải thu		(237.497.153.124)	(58.872.180.143)
10	(Tăng), giảm hàng tồn kho		12.344.925.548	(1.510.337.344)
11	Tăng, (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(47.197.867.199)	(10.666.900.484)
12	(Tăng), giảm chi phí trả trước		(396.184.749)	115.771.244
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.820.390.657)	(1.471.697.884)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		226.010.000	4.500.000.000
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.056.603.908)	(5.000.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(199.138.910.830)	(27.279.750.185)
	II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(6.667.296.523)	(26.624.370.256)
22	2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	22.727.273
25	3 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(216.993.000)	-
26	4 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(790.000.000)
27	5 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		26.231.401.231	6.387.927.671
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		19.347.111.708	(21.003.715.312)
	III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	112.046.936.000
33	2 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		161.454.769.223	208.916.669.200
34	3 Tiền chi trả nợ gốc vay		(25.644.947.354)	(176.483.821.889)
36	4 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(9.652.181.000)	(1.314.404.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		126.157.640.869	143.165.379.311
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(53.634.158.253)	94.881.913.814

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2008

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		97.383.428.595	2.501.514.781
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	43.749.270.342	97.383.428.595

Người lập

Kế toán trưởng

Lập, ngày 05 tháng 02 năm 2009
Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Duyên

Vũ Nhật

Nguyễn Văn Ché

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2008

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 - VINACONEX 3 là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1049/QĐ-BXD ngày 07 tháng 08 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Xây dựng số 3 - Doanh nghiệp Nhà nước thành viên Tổng công ty Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam thành Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 - VINACONEX3.

Trụ sở chính của Công ty tại số 249 Hoàng Quốc Việt - Cầu Giấy - Hà Nội.

Công ty có các đơn vị thành viên sau:

Công ty Con

Công ty CP Đầu tư và khai thác BOT

Địa chỉ

Tầng 5 – Số 249 – Hoàng Quốc Việt
– Cầu Giấy – Hà Nội

Đơn vị trực thuộc

Nhà Máy Vật Liệu Xây dựng Vinaconex 3

Huyện Phổ Yên – Tỉnh Thái Nguyên

Vốn điều lệ của Công ty là: 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng chẵn). Tương đương với 8.000.000 cổ phần.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp, sản xuất và kinh doanh tổng hợp.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103001380 đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 09 năm 2002 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103001380 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 17 tháng 06 năm 2005, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 25 tháng 10 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, bưu điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu, cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây và trạm biến thế đến 110KV, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh, trang trí nội ngoại thất, gia công, lắp đặt khung nhôm kính các loại;
- Xây dựng và kinh doanh nhà, cho thuê văn phòng, kinh doanh bất động sản, khách sạn, du lịch;
- Lắp đặt các loại kết cấu bê tông, cấu kiện thép, các hệ thống kỹ thuật công trình, các loại máy móc, thiết bị (thang máy, điều hòa, thông gió, phòng cháy, chữa cháy, cấp thoát nước)
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng: gạch, ngói, đá, cát, sỏi, xi măng, tấm lợp, gỗ dùng trong xây dựng, sản xuất kinh doanh đồ gỗ hàng tiêu dùng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng, thực hiện các dự án đầu tư;
- Dịch vụ cho thuê, sửa chữa bảo dưỡng xe máy, kinh doanh thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ, hàng nông lâm thủy sản, hàng tiêu dùng.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

Nguyên tắc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được đánh giá theo chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
- Giá trị thương hiệu	10 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Đối với Dự án xây dựng tòa nhà 21 tầng tại 310 Minh Khai đến 31/12/2008 đã đổ xong sàn tầng 17. Công ty đang ước tính doanh thu của công trình này theo tỉ lệ bằng 41,7 % khối lượng thi công của công trình. Tổng doanh thu và giá vốn công ty ghi nhận tương ứng với công việc hoàn thành là 148.247.272.727 VNĐ và 138.446.052.426 VNĐ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3. TIỀN

	31/12/2008	1/1/2008
	VND	VND
Tiền mặt	4.865.182.330	4.190.889.688
Tiền gửi ngân hàng	38.884.088.012	13.192.538.907
Các khoản tương đương tiền	-	80.000.000.000
Cộng	<u>43.749.270.342</u>	<u>97.383.428.595</u>

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2008	1/1/2008
	VND	VND
Công ty TNHH một thành viên Mai Động (thực hiện dự án 310 Minh Khai)	20.150.634.000	21.883.794.000
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng Seabank	-	525.000.000
Phải thu tiền lãi trái phiếu	9.060.000	16.285.000
Công ty Ống sợi thủy tinh tiền cổ tức năm 2007, 2008	192.913.000	387.000.000
Phải thu khác	16.226.859	27.746.201
Cộng	<u>20.368.833.859</u>	<u>22.839.825.201</u>

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2008	1/1/2008
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.150.208.212	2.436.877.757
Công cụ, dụng cụ	62.248.863	76.588.847
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	66.083.513.595	81.881.659.512
Thành phẩm	4.212.528.000	291.281.610
Hàng hoá	768.846.788	1.935.863.280
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>74.277.345.458</u>	<u>86.622.271.006</u>

6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2008	1/1/2008
	VND	VND
Tạm ứng	100.552.478.405	116.029.478.439
Cộng	<u>100.552.478.405</u>	<u>116.029.478.439</u>

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	18.054.035.718	18.952.523.296	12.927.914.373	878.107.974	50.812.581.361
Số tăng trong năm	1.636.917.000	4.036.131.883	869.687.277	124.560.363	6.667.296.523
- Mua trong năm	-	3.694.875.531	869.687.277	124.560.363	4.689.123.171
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	791.216.937	341.256.352	-	-	1.132.473.289
- Tăng khác	845.700.063	-	-	-	845.700.063
Số giảm trong năm	-	257.142.857	-	-	257.142.857
- Thanh lý, nhượng bán	-	257.142.857	-	-	257.142.857
Số dư cuối năm	19.690.952.718	22.731.512.322	13.797.601.650	1.002.668.337	57.222.735.027
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.517.152.258	11.210.943.454	5.534.354.109	589.141.857	19.851.591.678
Số tăng trong năm	765.947.049	3.143.767.405	1.730.678.804	140.382.331	5.780.775.589
- Khấu hao trong năm	765.947.049	3.122.178.778	1.730.678.804	128.567.331	5.747.371.962
- Tăng khác	-	21.588.627	-	11.815.000	33.403.627
Số giảm trong năm	-	174.857.143	-	-	174.857.143
- Thanh lý, nhượng bán	-	174.857.143	-	-	174.857.143
Số dư cuối năm	3.283.099.307	14.179.853.716	7.265.032.913	729.524.188	25.457.510.124
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	15.536.883.460	7.741.579.842	7.393.560.264	288.966.117	30.960.989.683
Tại ngày cuối năm	16.407.853.411	8.551.658.606	6.532.568.737	273.144.149	31.765.224.903

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Thương hiệu Vinaconex	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	4.375.894.383	-	315.000.000	4.690.894.383
Số tăng trong năm	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	4.375.894.383	-	315.000.000	4.690.894.383
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	178.607.936	-	71.968.000	250.575.936
Số tăng trong năm	89.303.967	-	31.500.000	120.803.967
- <i>Khấu hao trong năm</i>	89.303.967	-	31.500.000	120.803.967
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	267.911.903	-	103.468.000	371.379.903
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	4.197.286.447	-	243.032.000	4.440.318.447
Tại ngày cuối năm	4.107.982.480	-	211.532.000	4.319.514.480

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2008 VND	1/1/2008 VND
Dự án Nhà máy Gạch Phổ Yên - Thái Nguyên	-	845.700.063
Dự án Thành phố Yên Bái	27.280.152.254	22.421.822.614
Dự án Chợ Bo - Thái Bình	251.396.709	230.162.363
Dự án Khu đô thị Thái Bình	-	4.229.956.191
Dự án Khu công nghiệp Quang Minh - Vĩnh Phúc	2.699.067.935	2.699.067.935
Dự án Nhà ở xã Trung Văn	149.538.174.235	113.244.103.042
Dự án đất Bích Hòa - Hà Tây	2.799.133.248	1.443.815.487
Trạm Bê tông Dịch Vọng	-	11.594.560
Dự án Nhà 310 Minh Khai	109.235.057.601	13.745.007.524
Dự án Đường Minh Cầu - Thái Nguyên	14.394.792.175	1.135.744.610
Dự án Khu đô thị Hòa Lạc	79.038.400	79.038.400
Dự án mở đường vào Dự án Khu nhà ở Trung Văn	7.441.611.618	282.205.846
Dự án Kho Thụy Phương	1.352.936.500	1.352.336.500
Xây dựng dở dang khác	90.819.413	506.079.895
Cộng	315.469.371.339	162.226.635.030

10. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá	79.038.502.514	-	-	79.038.502.514
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	-	-	-	-
Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cơ sở hạ tầng	79.038.502.514	-	-	79.038.502.514
Giá trị hao mòn lũy kế	6.923.617.543	3.058.829.000	-	9.982.446.543
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	-	-	-	-
Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cơ sở hạ tầng	6.923.617.543	3.058.829.000	-	9.982.446.543
Giá trị còn lại	72.114.884.971	3.058.829.000	-	69.056.055.971
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	-	-	-	-
Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cơ sở hạ tầng	72.114.884.971	3.058.829.000	-	69.056.055.971

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2008	1/1/2008
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu	-	-
Đầu tư trái phiếu	30.000.000	50.000.000
Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu	-	-
Cho vay dài hạn	-	-
Đầu tư dài hạn khác	6.221.169.000	5.984.176.000
- Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam	500.000.000	300.000.000
- Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	2.494.176.000	2.494.176.000
- Công ty cổ phần Ống sợi thủy tinh	3.226.993.000	3.190.000.000
Cộng	6.251.169.000	6.034.176.000

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2008	1/1/2008
	VND	VND
Công cụ dụng cụ	1.864.085.592	1.206.344.568
Chi phí sửa chữa	-	219.444.023
Cộng	1.864.085.592	1.425.788.591

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2008	1/1/2008
	VND	VND
Vay ngắn hạn	39.199.469.169	17.993.294.300
+ NH Công thương Nam Thăng Long	8.413.457.200	1.000.480.900
+ NH Đầu tư và Phát triển Nam Thăng Long	10.820.837.000	3.473.594.900
+ NH NN và phát triển Nông thôn Tây Hà Nội	19.965.174.969	13.519.218.500
+ Vay cá nhân thực hiện dự án Minh Cầu - Thái Nguyên	23.018.509.000	-
Vay các cá nhân khác	-	1.080.000.000
Cộng	62.217.978.169	19.073.294.300

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2008	1/1/2008
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	11.091.374.578	8.602.737.405
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.047.564.776	5.134.546.986
Thuế thu nhập cá nhân	23.513.639	9.260.465
Thuế tài nguyên	2.824.200	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	4.934.235.800	6.793.327.100
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	21.181.500	-
Cộng	27.120.694.493	20.539.871.956

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2008	1/1/2008
	VND	VND
Trích trước chi phí công trình Học viện Quốc tế	95.467.274	100.675.840
Trích trước chi phí công trình Trường Cao đẳng SP Mẫu Giáo	60.569.432	60.569.432
Trích trước chi phí công trình Dự án 302 - Dịch Vọng	2.168.211.756	5.300.236.208
Trích trước tiền điện, nước tháng 12	21.491	13.711.980
Trích trước tháng lương thứ 13 năm 2008	666.982.000	-
Trích trước lãi vay	8.462.027.230	-
Khác	3.796.000	3.159.000
Cộng	11.457.075.183	5.478.352.460

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2008	1/1/2008
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	921.459.911	611.337.679
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	356.728.670	176.167.035
Phải trả UBND thành phố Hà Nội	1.229.375.645	1.229.375.645
Phải trả công ty Đầu tư Xây lắp Thương Mại	1.323.947.478	5.365.535.665
Phải trả Công ty Thương Mại Hà Đô	2.620.941.194	8.443.801.665
Phải trả cho các đội xây dựng	-	5.000.976.072
Phải trả, phải nộp khác	1.650.712.300	230.349.000
Cộng	8.103.165.198	21.057.542.761
TEST	-	-

17. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2008	1/1/2008
	VND	VND
Doanh thu chưa thực hiện	65.514.922.346	253.050.910
Cộng	65.514.922.346	253.050.910

18. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2008	1/1/2008
	VND	VND
Vay dài hạn	213.615.833.050	120.950.695.050
- Vay ngân hàng	213.615.833.050	120.950.695.050
- Vay đối tượng khác	-	-
Cộng	213.615.833.050	120.950.695.050

Các khoản vay dài hạn ngân hàng:

Đơn vị tính: 1.000.000 VND

Số hợp đồng vay	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc	Phương thức bảo đảm khoản vay
00.06.00463/HĐT D ngày 02/11/2006	Seabank Cầu Giấy	Trả linh hoạt không thấp hơn 1,05	36 tháng	150.000.000.000	81.714.806.500	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại dự án
14070022/HĐTĐD ngày 3/4/07	Seabank Cầu Giấy	Trả linh hoạt không thấp hơn 1,06	36 tháng	200.000.000.000	131.901.026.550	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại dự án
Cộng				350.000.000.000	213.615.833.050	

Ghi chú ký hiệu viết tắt cho Bảng biểu các khoản vay dài hạn:

- Seabank Cầu Giấy: Ngân hàng TMCP Đông Nam Á Chi nhánh Cầu Giấy

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	52.046.936.000	6.003.977.102	7.400.166.870	491.206.041
Tăng vốn trong năm trước	60.000.000.000	-	20.712.194.167	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	7.388.949.493	1.182.379.000
Giảm vốn trong năm trước	-	-	6.003.977.102	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	5.573.299.392	-	-
Số dư cuối năm trước	80.000.000.000	52.046.936.000	15.138.894.775	14.789.116.363	1.673.585.041
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	30.408.397.803	-	-
Tăng khác	-	-	-	55.493.033	2.066.219.416
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức	-	-	9.652.181.000	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	5.551.713.775	-	-
Số dư cuối năm nay	80.000.000.000	52.046.936.000	30.343.397.803	14.844.609.396	3.739.804.457

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	%	Đầu năm	%
Vốn góp của Nhà nước	40.800.000.000	51%	40.800.000.000	51%
Vốn góp của các đối tượng khác	39.200.000.000	49%	39.200.000.000	49%
Cộng	80.000.000.000	100%	80.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80.000.000.000	80.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	80.000.000.000	80.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.652.181.000	1.314.404.000
- Chia cổ tức cho cổ đông của năm 2006	-	1.314.404.000
- Chi cổ tức cho cổ đông của năm 2007	9.652.181.000	-

d) Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: 18%

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: 0 VND

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: 0 VND

d) Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.000.000	8.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	79.600	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	79.600	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.920.400	8.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.920.400	8.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ICP.		

e) Các quỹ của công ty

	Năm nay	Năm trước
Quỹ đầu tư phát triển	14.844.609.396	14.789.116.363
Quỹ dự phòng tài chính	3.739.804.457	1.673.585.041
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	550.359.279	-

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2008	2007
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	9.354.533.804	9.542.207.396
Doanh thu cung cấp dịch vụ, kinh doanh BĐS	185.333.085.004	149.822.293.594
Doanh thu hợp đồng xây dựng	104.414.433.533	119.534.236.073
- <i>Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ</i>	104.414.433.533	119.534.236.073
Cộng	299.102.052.341	278.898.737.063

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2008	2007
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	7.058.301.598	9.006.621.877
Giá vốn của thành phẩm đã bán	109.972.116.225	122.358.164.624
Giá vốn của dịch vụ, kinh doanh bất động sản	160.869.834.267	109.010.277.117
Cộng	277.900.252.090	240.375.063.618

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2008	2007
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	26.379.684.127	6.402.468.847
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.016.982.000	387.000.000
Cộng	29.396.666.127	6.789.468.847

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 28% trên lợi nhuận tính thuế thu được trong năm.

Theo quy định của Luật khuyến khích đầu tư, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (Công ty có thu nhập chịu thuế từ năm 2003) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo. Năm 2007 là năm cuối cùng đơn vị được hưởng ưu đãi về thuế.

	2008	2007
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	11.733.408.447	5.523.299.392
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước và chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Cộng	11.733.408.447	5.523.299.392

24. DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON ĐƯỢC HỢP NHẤT

Tên Công ty: Công ty Đầu tư và khai thác BOT

Địa chỉ: Tầng 5 - Số 249 Hoàng Quốc Việt - Cầu Giấy - Hà Nội

Số vốn góp 300.000.000 VND

Tỉ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:

+ Đầu tư xây dựng và kinh doanh chợ

+ Văn phòng Đại diện tại Hòa Bình

+ Văn phòng Đại diện tại Bắc Giang

25. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 đã được Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán (AASC) kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

	<u>Mã số</u>	<u>Phân loại lại</u> <u>VND</u>	<u>Đã trình bày trên báo</u> <u>cáo năm trước VND</u>
Bảng Cân đối kế toán	312	599.943.000	317

Người lập

Kế toán trưởng

Lập, ngày 05 tháng 02 năm 2009
Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Duyên

Vũ Nhất

Nguyễn Văn Chế